

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-4-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà C**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã N, huyện H, tỉnh K (có mặt).

- Bị đơn: **Ông G**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã N, huyện H, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà C trình bày: Thông qua mai mối của hai gia đình, bà và ông G quen biết nhau, thống nhất đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2007 và đăng ký kết hôn ngày 01/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh K. Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc và có hai con chung là cháu Võ Gia Huy, sinh ngày 18/7/2008 và cháu Võ Tấn Sang, sinh ngày 21/01/2012. Tuy nhiên thời gian gần đây, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông G thường hay uống rượu, kiếm chuyện vô cớ với bà, đi làm về cũng ít đưa tiền cho vợ để phụ giúp gia đình và nuôi các con ăn học. Bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông G không thay đổi tính tình, sống thiếu trách nhiệm với vợ con. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông G và nếu cứ tiếp tục cuộc hôn nhân không hạnh phúc sẽ làm ảnh hưởng đến các con, nên bà yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con, bà yêu cầu được nuôi hai con và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/12/2020, ông Võ Văn Giàu trình bày: Ông thường đi làm ăn xa, đến tháng mới về nhà, khi về thì bà C hay kiểm chuyện, không cho ông vào nhà nên ông mới bỏ đi làm kiếm tiền nuôi hai con. Ông còn thương vợ, muốn hàn gắn tình cảm và tiếp tục chung sống với bà C. Ông đi làm thu nhập bình quân là 12.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung, ông cho rằng vợ chồng chung sống có tạo lập được một số tài sản và còn thiếu tiền hụi là 60.000.000 đồng, ông cam kết ông đi làm sẽ trả nợ hết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông G nhưng ông G không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông G theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông G chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh K ngày 01/11/2007, do đó hôn nhân giữa bà C và ông G là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù thời gian đầu bà và ông G chung sống hạnh phúc và có 02 con chung với nhau, nhưng thời gian gần đây tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, giữa bà C và ông G thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, giữa hai người không còn tiếng nói chung và sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Xét thấy giữa ông bà không còn đời sống chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà C không còn tình cảm vợ chồng với ông G, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà C ly hôn với ông G theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà C và ông G có hai con chung là cháu Võ Gia Huy, sinh ngày 18/7/2008 và cháu Võ Tấn Sang, sinh ngày 21/01/2012, hiện nay các cháu đang sống với mẹ, ông G thường đi làm xa, không có nhiều thời gian chăm sóc cho con, trong khi bà C có công việc làm tại nhà, có thu nhập trên 7.000.000 đồng/tháng, nên về thời gian và điều kiện chăm sóc, nuôi dạy các con tốt hơn ông G, do đó theo nguyện vọng của hai cháu, xét nên giao cháu Huy và cháu Sang cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, ông G được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông G có thu nhập ổn định (12.000.000 đồng/tháng), đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi con, do đó chấp nhận yêu cầu của bà C buộc ông G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng), cho đến khi cháu Huy và cháu Sang đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông G không có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản và nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 và khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà C phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông G phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, khoản 2, Điều 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 và khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà C được ly hôn với ông G.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Gia Huy, sinh ngày 18/7/2008 và cháu Võ Tấn Sang, sinh ngày 21/01/2012 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Huy và cháu Sang đủ 18 tuổi. Ông G được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng), cho đến khi cháu Huy (sinh ngày 18/7/2008) và cháu Sang (sinh ngày 21/01/2012) đủ 18 tuổi, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 05/2021.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001331 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K. Như vậy, bà C đã nộp xong.

Ông G phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông G vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai